

CÔNG TY TNHH TMDV KIM VẠN PHÚC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV KIM VẠN PHÚC
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110896251

3. Ngày thành lập: 21/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 22 ngõ 152 phố Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 089.921.8899 Fax:
Email: congykimvanphuc2024@gmail.com Website:
com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2020, chương III thông tư 12/2020/TT-BGTVT) (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933(Chính)
2.	Đại lý du lịch	7911
3.	Điều hành tua du lịch	7912
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ Logistics cho các khách hàng trong các khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ	5229
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
6.	Quảng cáo Loại trừ: Hoạt động nhà nước cấm	7310
7.	Vận tải hành khách đường bộ khác Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Điều 6 Nghị định 10/2020/NĐ-CP); Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP); Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5610
10.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

11.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
12.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
13.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
14.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
15.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí, vàng miếng.	4773
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ: Kinh doanh vàng miếng (Nghị định 24/2012/NĐ-CP)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Loại trừ: Hoạt động đấu giá, hoạt động nhà nước cấm	4663
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
20.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng nhà để ở	4101
23.	Xây dựng nhà không để ở	4102
24.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
25.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
26.	Xây dựng công trình điện	4221
27.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
28.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
29.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
32.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
34.	Phá dỡ (Không bao gồm hoạt động nổ mìn)	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động nổ mìn)	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

41.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
43.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá)	4543
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
48.	Nuôi trồng thủy sản biển (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0321
49.	Khai thác thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0312
50.	Khai thác thủy sản biển (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0311
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm đầu giá)	4649
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4659
53.	Bán buôn tổng hợp	4690
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
56.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
57.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
58.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0810
59.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0899
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
61.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
62.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
63.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810

64.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ Môi giới bất động sản (Điều 63 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); Dịch vụ Tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); Dịch vụ Quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình khác trong các khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ.	8129
66.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan trong các khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ	8130
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các khách hàng trong khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ	8299

6. **Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀO THỦY TIÊN	Việt Nam	P2704 Park 10, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	022301000010	
2	TRƯƠNG BÁ HƯNG	Việt Nam	36A Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	001201002271	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: TRƯỜNG BÁ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/05/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001201002271

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 36A Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 36A Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội